

Số: /QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày tháng 6 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng**  
**thành phố Bắc Kạn đến năm 2045**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị năm 2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt quản lý quy hoạch; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 08 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 04 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt quản lý quy hoạch và Nghị định số 44/NĐ-CP ngày 06 tháng 05 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bắc Kạn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Thông tư số 04/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch khu chức năng và quy hoạch nông thôn;*

*Căn cứ Thông báo số 1924-TB/TU ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nội dung Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy lần thứ 91 (khóa XII), nhiệm kỳ 2020-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 182/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chung xây dựng thành phố Bắc Kạn đến năm 2045;*

*Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 102/TTr-SXD ngày 04 tháng 6 năm 2025; kết quả thẩm định tại Văn bản số 33/TB-SXD ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Sở Xây dựng.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng thành phố Bắc Kạn đến năm 2045 với những nội dung như sau:

**1. Tên đồ án:** Quy hoạch chung xây dựng thành phố Bắc Kạn đến năm 2045.

## **2. Phạm vi, quy mô và ranh giới lập quy hoạch**

- Phạm vi lập quy hoạch: Toàn bộ địa giới hành chính của thành phố Bắc Kạn với 08 đơn vị hành chính cấp xã, phường trực thuộc; trong đó, bao gồm 06 phường: Đức Xuân, Nguyễn Thị Minh Khai, Phùng Chí Kiên, Sông Cầu, Huyền Tung, Xuất Hóa và 02 xã: Dương Quang, Nông Thượng với diện tích tự nhiên khoảng 13.209,5 ha.

- Ranh giới lập quy hoạch được xác định như sau

+ Phía Bắc giáp các xã Quân Hà, xã Cẩm Giàng - huyện Bạch Thông.

+ Phía Tây giáp các xã Đôn Phong, xã Quang Thuận - huyện Bạch Thông; xã Thanh Vận - huyện Chợ Mới.

+ Phía Đông giáp các xã Nguyên Phúc, xã Mỹ Thanh - huyện Bạch Thông; xã Tân Sơn - huyện Chợ Mới.

+ Phía Nam giáp xã Hòa Mộc - huyện Chợ Mới.

## **3. Giai đoạn quy hoạch, tỷ lệ bản đồ**

- Giai đoạn quy hoạch: Đến năm 2045.

- Tỷ lệ bản đồ: 1/10.000.

## **4. Tính chất, chức năng, động lực phát triển đô thị**

- Là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh Bắc Kạn; là trung tâm thương mại hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho cả vùng tỉnh; là vùng sản xuất công nghiệp tập trung, năng lực sản xuất phục vụ nhu cầu trong và ngoài vùng tỉnh.

- Là trung tâm phát triển đô thị của tỉnh, hướng đến phát triển các khu đô thị - du lịch, đô thị thông minh theo tiêu chí tăng trưởng xanh, phát triển bền vững, ứng phó với biến đổi khí hậu; có hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đồng bộ.

- Với vai trò, vị trí chiến lược là trung tâm của vùng Đông Bắc Bộ; có nhiều tiềm năng về phát triển hạ tầng xã hội, du lịch và lợi thế về cảnh quan.

## **5. Quy mô dân số, đất đai**

### **5.1. Quy mô dân số**

- Dân số năm 2023 khoảng 46.913 người. Trong đó, dân số đô thị khoảng 40.287 người, chiếm 85,9% tổng dân số.

- Dự báo dân số thành phố đến năm 2030 khoảng 80.000 người. Trong đó, dân số đô thị khoảng 72.000 người, chiếm 90% tổng dân số.

- Dự báo dân số thành phố đến năm 2045 khoảng 130.000 người. Trong đó, dân số đô thị khoảng 120.000 người, chiếm 92% tổng dân số.

### **5.2. Quy mô đất đai**

Tổng diện tích lập quy hoạch khoảng 13.209,5 ha. Đến năm 2030 diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 2.802,8 ha. Định hướng đến năm 2045 diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 3.240,9 ha.

**Bảng cân bằng sử dụng đất theo các giai đoạn quy hoạch**

Số TT	Nhóm chức năng/ Loại chức năng sử dụng đất	QH 2030		Chỉ tiêu (m <sup>2</sup> /ng)	QH 2045		Chỉ tiêu (m <sup>2</sup> /ng)
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	
	<b>Khu vực đô thị (Thành phố Bắc Kạn)</b>	<b>13.209,5</b>	<b>100,00</b>		<b>13.209,5</b>	<b>100,00</b>	
<b>A</b>	<b>Đất xây dựng đô thị</b>	<b>2.802,8</b>	<b>21,22</b>		<b>3.240,9</b>	<b>24,53</b>	
<b>I</b>	<b>Đất dân dụng</b>	<b>1.076,2</b>	<b>8,15</b>	<b>134</b>	<b>1.318,3</b>	<b>9,98</b>	<b>100,0</b>
	<i>Đất dân dụng phát triển mới</i>	348,4	2,64	45,0	590,5	4,47	46,0
1	Đơn vị ở (toàn đô thị)	782,0	5,92	98,0	872,0	6,60	67,0
	<i>Đơn vị ở Hiện trạng</i>	632,0	4,78		632,0	4,78	
	<i>Đơn vị ở mới</i>	150,0	1,14	46,0	240,0	1,82	48,0
2	Đất dịch vụ - công cộng	53,0	0,40	6,6	71,2	0,54	5,5
3	Đất hỗn hợp (đơn vị ở và dịch vụ, công cộng đô thị)	71,3	0,54		109,0	0,83	
4	Đất cơ quan trụ sở cấp đô thị	3,5	0,03		3,5	0,03	
5	Đất cây xanh sử dụng công cộng	45,8	0,35	5,7	72,0	0,55	6,0
6	Đất giao thông đô thị	108,6	0,82		168,3	1,26	
	<i>Bãi đỗ xe đô thị</i>	23,0	0,17		35,0	0,26	
7	Đất hạ tầng kỹ thuật khác cấp đô thị	12,0	0,09		22,3	0,17	
<b>II</b>	<b>Ngoài dân dụng</b>	<b>1.726,6</b>	<b>13,07</b>		<b>1.922,6</b>	<b>14,55</b>	
1	Đất sản xuất công nghiệp, kho tàng	229,4	1,74		274,3	2,08	
2	Đất cơ quan trụ sở ngoài đô thị	36,2	0,27		36,2	0,27	
3	Đất trung tâm đào tạo, nghiên cứu	11,8	0,09		11,8	0,09	

4	Đất trung tâm y tế	44,0	0,33		44,0	0,33	
5	Đất tôn giáo tín ngưỡng, di tích	6,4	0,05		6,4	0,05	
6	Đất giao thông đối ngoại	89,0	0,67		104,0	0,79	
7	Đất công trình hạ tầng kỹ thuật khác ngoài đô thị	65,0	0,49		65,0	0,49	
8	Đất thương mại dịch vụ	16,4	0,12		33,1	0,25	
9	Đất trung tâm thể dục thể thao	24,0	0,18		24,0	0,18	
10	Đất cây xanh chuyên dụng	63,0	0,48		68,2	0,52	
11	Đất an ninh	58,0	0,44		58,0	0,44	
12	Đất quốc phòng	401,0	3,04		401,0	3,04	
13	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	70,0	0,53		70,0	0,53	
14	Đất dịch vụ, du lịch	555,0	4,21		669,2	5,06	
15	Đất hỗn hợp ( không ở )	57,4	0,43		57,4	0,43	
<b>B</b>	<b>Đất nông nghiệp và chức năng khác</b>	<b>10.406,7</b>	<b>78,78</b>		<b>9.968,6</b>	<b>75,47</b>	
1	Đất điểm dân cư nông thôn	207,5	1,57		212,0	1,62	
	<i>Điểm dân cư nông thôn mới</i>	53,3	0,40		65,0	0,49	
2	Đất sản xuất nông nghiệp	787,2	5,96		705,6	5,35	
3	Đất lâm nghiệp	9.130,0	69,12		8.769,0	66,37	
3.1	<i>Rừng sản xuất</i>	6.217,0	47,07		5.856,0	44,32	
3.2	<i>Rừng phòng hộ</i>	2.567,0	19,43		2.567,0	19,43	
3.3	<i>Rừng đặc dụng</i>	346,0	2,62		346,0	2,62	
4	Mặt nước (sông, hồ, kênh, rạch, suối...)	282,0	2,13		282,0	2,13	

\* Ghi chú: Đất hỗn hợp (đơn vị ở và dịch vụ công cộng đô thị) bao gồm: 20% diện tích đất sử dụng vào mục đích ở, còn lại là quỹ đất dành cho các hạng mục: Đất giao thông, đất cây xanh, đất dịch vụ công cộng và các hạng mục sử dụng đất khác.

## **6. Định hướng phát triển không gian đô thị**

### **6.1. Cấu trúc không gian**

Thành phố Bắc Kạn được phát triển với cấu trúc chính: “*Một hành lang xanh - Hai trục không gian - Ba vành đai phát triển*”, cụ thể:

- *Một hành lang xanh*: Là không gian đồi núi, cây xanh tự nhiên bao bọc toàn bộ không gian phát triển và các khu chức năng của đô thị.

- *Hai trục không gian*: Trục sông Cầu là trục để phát triển đô thị dọc hai bên bờ sông; hình thành trục không gian năng động trên trục đường Trường Chinh qua trung tâm đô thị kéo dài kết nối đường cao tốc.

- *Ba vành đai phát triển*: Vành đai 01 liên kết với các cụm công nghiệp tạo động lực phát triển cho đô thị. Vành đai 02 tăng sự mở rộng đô thị, liên kết đô thị hiện hữu với các khu vực du lịch. Vành đai 03 gắn kết với đô thị hiện hữu, phát triển thương mại, dịch vụ, giao thông trong khu vực nội thị.

### **6.2. Phân vùng chức năng**

- *Vùng I*: Trung tâm phát triển của khu vực mới, lấy trục sông Cầu làm trung tâm phát triển.

- *Vùng II*: Phát triển công nghiệp, dịch vụ, du lịch.

- *Vùng III*: Các vùng sản xuất nông lâm nghiệp và dân cư nằm xung quanh.

### **6.3. Định hướng phân khu vực phát triển**

- *Khu số 1*: Phân khu phía Đông Bắc (gồm các phường: Nguyễn Thị Minh Khai, Huyện Tụng, Đức Xuân) Diện tích khoảng 3.445,8 ha. Định hướng: Phát triển các cụm đô thị mới gắn với xây dựng phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng y tế, dịch vụ chăm sóc sức khỏe, thể dục thể thao tại phường Nguyễn Thị Minh Khai; cụm đô thị hỗ trợ phát triển công nghiệp xanh tại phường Huyện Tụng. Cải tạo, chỉnh trang, tái thiết trên cơ sở nền tảng khu vực trung tâm hiện hữu với những chức năng như hành chính, thương mại, dịch vụ tại phường Đức Xuân.

- *Khu số 2*: Phân khu phía Tây Bắc (xã Dương Quang). Diện tích khoảng 2.563,8 ha. Định hướng: Phát triển du lịch sinh thái hồ Nặm Cắt và các khu dân cư hài hòa với thiên nhiên, tạo môi trường bền vững; là cửa ngõ chiến lược để phát triển du lịch liên kết vùng, tạo điều kiện thu hút du khách trong nước và quốc tế.

- *Khu số 3*: Phân khu phía Tây (gồm các phường: Phùng Chí Kiên, Sông Cầu). Diện tích khoảng 729,4 ha. Định hướng: Kế thừa vai trò trung tâm hành chính - chính trị của tỉnh Bắc Kạn (cũ) và phát triển các giá trị hiện hữu, kết hợp mở rộng không gian phát triển mới hình thành trục thương mại, dịch vụ công cộng, không gian điểm nhấn văn hóa, lịch sử của đô thị Bắc Kạn.

- *Khu số 4*: Phân khu phía Tây Nam (xã Nông Thượng). Diện tích khoảng 2.207,5 ha. Định hướng: Khu logistic cửa ngõ phía Tây Nam kết nối cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên - Bắc Kạn - Cao Bằng vào đô thị, quy hoạch khu hỗn hợp

(*thương mại, văn hóa, dịch vụ công cộng*) và khu thương mại dịch vụ gắn kết với khu trung tâm hiện hữu, thúc đẩy kinh tế đô thị phát triển.

- *Khu số 5*: Phân khu phía Đông Nam (*phường Xuất Hóa*). Diện tích khoảng 4.263 ha. Định hướng: Khu bảo tồn cảnh quan thiên nhiên gắn với khai thác du lịch sinh thái và văn hóa. Hình thành cụm đô thị vệ tinh đầy đủ cơ sở hạ tầng, sinh hoạt cộng đồng và các tiện ích dịch vụ.

## **7. Định hướng hệ thống hạ tầng kinh tế, xã hội**

### **7.1. Hệ thống hạ tầng kinh tế**

- Khu vực sản xuất công nghiệp: Phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn đô thị; hình thành khu phát triển sản xuất công nghiệp tại tuyến vành đai phía Đông.

- Du lịch, dịch vụ: Phát triển du lịch theo hướng bền vững; trong đó, chú trọng phát triển du lịch văn hóa gắn với bảo tồn, phát huy giá trị di sản và bản sắc văn hóa truyền thống dân tộc; phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng gắn với bảo vệ, tôn tạo cảnh quan môi trường.

- Nông, lâm nghiệp: Khai thác tối đa tiềm năng, thế mạnh về điều kiện tự nhiên; tập trung phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; hình thành và phát triển nền sản xuất nông nghiệp hiện đại theo hướng hữu cơ, nông nghiệp sạch gắn với phát triển dịch vụ, du lịch sinh thái nông nghiệp.

### **7.2. Hệ thống hạ tầng xã hội**

- Sau khi kết thúc hoạt động của đơn vị hành chính cấp huyện, sáp nhập tỉnh, sáp nhập xã, khu trung tâm hành chính thành phố hiện hữu được bố trí là trụ sở làm việc của các cơ quan nhà nước theo quy định. Tại một số vị trí các công trình hành chính cũ đề xuất chuyển đổi chức năng thành các khu thương mại dịch vụ nhằm tăng giá trị sử dụng đất.

- *Chức năng y tế*: Nâng cấp, cải tạo các bệnh viện, cơ sở hiện có; quy hoạch đất dự trữ cho phát triển y tế.

- *Chức năng giáo dục*: Cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất các cơ sở giáo dục hiện có; quy hoạch đất dự trữ cho phát triển giáo dục.

- *Chức năng công viên cây xanh, thể dục thể thao, văn hóa*:

+ Vị trí Sân vận động tại phân khu phía Đông Bắc, phục vụ các hoạt động thể dục thể thao của người dân tại khu vực (*phường Nguyễn Thị Minh Khai*) và các xã lân cận.

+ Quy hoạch sân Golf tại khu vực phân khu phía Tây Nam.

+ Công trình văn hóa: Quy hoạch bảo tàng, thư viện tại phường Đức Xuân; quy hoạch khu hỗn hợp, dịch vụ công cộng (*Cung văn hóa lao động, triển lãm, rạp chiếu phim...*) tại phường Phùng Chí Kiên.

+ Quy hoạch công viên cây xanh: Cải tạo sân Tỏ Đích thành công viên cây xanh đô thị (*khu vực phường Đức Xuân*); Tổ hợp công viên rừng khu đồi

Tỉnh ủy; Quảng trường - Tượng đài Chiến Thắng (*khu vực phường Phùng Chí Kiên*); Công viên cây xanh Bắc Sông Cầu (*khu vực phường Sông Cầu*); Công viên ven sông Cầu kết hợp phố đi bộ (*khu vực xã Dương Quang, phường Sông Cầu, phường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Huyền Tung*); khu công viên giải trí (*khu vực phường Nguyễn Thị Minh Khai*).

- *Chức năng thương mại, dịch vụ*: Phát triển trung tâm tài chính - thương mại - dịch vụ cấp đô thị trên trục đường nổi cao tốc với trung tâm đô thị. Khu hỗn hợp (*thương mại, dịch vụ, công cộng đô thị và khu ở*) đối diện khu Quảng trường - Tượng đài Chiến Thắng.

## **8. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật**

### **8.1. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật**

- Bố trí các trung tâm điều hành tập trung để quản lý vận hành hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị; ứng dụng khoa học công nghệ, tạo nền tảng cho phát triển bền vững và xây dựng đô thị dịch vụ du lịch.

- Lựa chọn giải pháp thiết kế hạ tầng đô thị phù hợp với đặc điểm điều kiện tự nhiên của từng khu vực, khuyến khích sử dụng vật liệu, năng lượng tái tạo, hạn chế cứng hóa bề mặt đô thị để tăng cường khả năng thấm nước tự nhiên.

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật được thiết kế theo hướng phân tán, cân bằng cho từng khu vực, xử lý môi trường theo từng khu vực, bố trí hệ thống hồ điều hòa và kênh thoát nước mặt theo các lưu vực để hỗ trợ thoát nước mặt và tạo cảnh quan đô thị.

### **8.2. Hệ thống giao thông**

- *Giao thông đối ngoại*:

+ Nâng cấp, cải tạo kết hợp xây dựng mới các tuyến giao đối ngoại, giao thông nội bộ, đường hướng tâm, vành đai tạo thành mạng lưới giao thông hoàn chỉnh, kết nối hợp lý với mạng lưới giao thông quốc gia, các tỉnh, các đô thị trong khu vực.

+ Xây dựng mới đường cao tốc Chợ Mới - Bắc Kạn, quy mô 04 làn xe. Cải tạo nâng cấp các tuyến Quốc lộ 3, Quốc lộ 3B đạt tiêu chuẩn theo quy hoạch mạng lưới đường bộ.

+ Xây dựng mới tuyến đường kết nối từ cao tốc vào thành phố Bắc Kạn. Điểm đầu tại nút giao cao tốc phía Nam tại xã Nông Thượng, điểm cuối kết nối với đường Trường Chinh, quy mô mặt cắt tối đa 58m.

+ Cải tạo nâng cấp đường tỉnh ĐT.259. Hoàn thiện, xây mới các tuyến đường vành đai, đường đối ngoại từ trung tâm đô thị Bắc Kạn đi các khu vực lân cận: Đường vành đai phía Đông; đường vành đai phía Tây Nam; đường kết nối đô thị Bắc Kạn với xã Côn Minh về phía Đông.

+ Quy hoạch mới tuyến đường Xuất Hóa - Thanh Vận kết nối đô thị Bắc Kạn với cụm công nghiệp Thanh Vận.

- *Giao thông đô thị:*

+ Khu vực trung tâm đô thị hiện hữu: Hệ thống giao thông khu vực trung tâm được bố trí theo ô bàn cờ kết hợp với các đường vành đai, đường kết nối từ trung tâm đô thị ra các trục đường đối ngoại; mặt cắt ngang đường từ 15m - 41m.

+ Xây dựng các trục đường chính kết nối từ trung tâm hiện hữu ra các đường vành đai, các cụm công nghiệp, các khu du lịch dịch vụ, mặt cắt ngang đường từ 15m - 58m.

- *Công trình giao thông:*

+ Bến xe: Xây dựng mới 01 bến xe tại cửa ngõ phía Bắc (*tại phường Minh Khai*); 01 bến xe tại cửa ngõ phía Nam (*thuộc địa phận xã Nông Thượng*). Từng bước chuyển đổi bến xe hiện hữu thành đất chức năng khác phục vụ đô thị.

+ Bãi đỗ xe: Quy hoạch các bãi đỗ xe công cộng tại các điểm đầu mối giao thông, các khu di tích, công trình hành chính, công viên, chợ và các công trình thương mại dịch vụ.

+ Cầu: Xây dựng 03 cầu mới qua sông Cầu nhằm tăng khả năng kết nối giữa phía Bắc và Nam sông Cầu và kết nối liên vùng.

+ Nút giao thông: Xây dựng mới các nút giao thông khác mức giữa các tuyến đường bộ đối ngoại và đường đô thị.

- *Giao thông công cộng:* Xây dựng các tuyến xe buýt nhanh, xe buýt thường, từng bước sử dụng phương tiện xe buýt thân thiện với môi trường.

### **8.3. Cao độ nền xây dựng**

- Cao độ nền không chế đô thị Bắc Kạn được xác định dựa trên mực nước báo động cấp III sông Cầu (*tại Bắc Kạn là 134m; tại Thác Giềng là 98m - theo Quyết định số: 05/2020/QĐ-TTg ngày 31 tháng 01 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ*) và QCVN 01:2021/BXD.

- Quy hoạch cao độ xây dựng nền các khu vực đô thị phù hợp với hệ thống thoát nước mặt hiện có, tận dụng địa hình tự nhiên, ưu tiên hệ thống cây xanh mặt nước hiện có. Cao độ các khu vực được xác định như sau:

+ Đối với những khu vực đã xây dựng ổn định: Giữ nguyên cao độ san nền hoặc chỉ san nền cục bộ phù hợp với hiện trạng xây dựng và điều kiện khu vực.

+ Đối với khu vực trung tâm đô thị chịu ảnh hưởng trực tiếp chế độ thủy văn sông Cầu (*xã Dương Quang, phường Sông Cầu, phường Huyền Tung, phường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Đức Xuân*) cao độ nền không chế: Hkc  $\geq$  134,3m đối với khu dân dụng và Hkc  $\geq$  134,5m đối với khu công nghiệp.

+ Khu vực phường Xuất Hóa: Cao độ nền không chế: Hkc  $\geq$  98,8m đối với khu dân dụng và Hkc  $\geq$  99,0m đối với khu công nghiệp.

### **8.4. Thoát nước mặt**

- Xây dựng hệ thống thoát nước mưa đảm bảo thoát nước mưa trên toàn lưu vực. Quy hoạch hệ thống thoát nước mưa riêng hoàn toàn tại khu vực trung tâm

thành phố, các khu vực xây dựng mới, khu vực trung tâm các phường xã, khu dân cư tập trung. Đối với khu vực còn lại sử dụng hệ thống thoát nước chung.

- Thu gom hệ thống thoát nước mặt theo các lưu vực thoát ra các suối, nương hỏ, hồ điều hòa, trạm bơm tiêu trước khi thoát ra sông Cầu. Trên các trục tiêu chính, bố trí hồ điều tiết để giảm tiết diện hệ thống thoát nước.

- Tăng cường áp dụng giải pháp thoát nước xanh, bền vững, tích trữ và tái sử dụng nước mưa. Tận dụng các khu vực thấp làm khu vực điều tiết lũ. Ứng dụng các giải pháp công nghệ thông minh trong công tác quản lý hệ thống thoát nước mặt.

### **8.5. Hệ thống cấp nước**

- Chỉ tiêu và nhu cầu dùng nước

+ Cấp nước sinh hoạt  $\geq 150\text{l}/\text{người}/\text{ng.đ.}$

+ Cấp nước công nghiệp  $\geq 20 \text{ m}^3/\text{ha-ng.đ.}$

+ Nước tưới cây rửa đường  $\geq 8\% \text{ Qsh}$ ; công công dịch vụ  $\geq 10\% \text{ Qsh}$ .

Tổng nhu cầu dùng nước đến năm 2030 khoảng  $32.287\text{m}^3/\text{ng.đ.}$ ; năm 2045 khoảng  $57.443\text{m}^3/\text{ng.đ.}$

- Nguồn nước: Sử dụng nước mặt suối Nặm Cắt và nước ngầm.

- Công trình đầu mối:

+ Giữ nguyên hiện trạng Nhà máy nước Bắc Kạn với công suất  $8.000 \text{ m}^3/\text{ngđ}$ , nguồn nước ngầm và nguồn nước sông Nặm Cắt.

+ Xây mới Nhà máy nước Nặm Cắt với công suất  $24.300 \text{ m}^3/\text{ngđ}$  với nguồn nước sông Nặm Cắt.

- Mạng lưới cấp nước: Mạng lưới cấp nước được thiết kế mạng vòng khép kín và một số mạng nhánh.

- Cấp nước chữa cháy:

+ Tận dụng các sông, hồ, kênh, ao làm điểm để cấp nước chữa cháy.

+ Trên mạng ống cấp nước đô thị, dọc theo các đường phố bố trí các họng lấy nước chữa cháy, đảm bảo các quy định.

### **8.6. Hệ thống cấp điện**

Tổng nhu cầu cấp điện cho đô thị Bắc Kạn đến năm 2030 khoảng  $99\text{MVA}$ ; năm 2045 khoảng  $110\text{MVA}$ .

- Nguồn điện:

+ Lưới điện miền Bắc qua trạm  $220\text{KV}$  Bắc Kạn công suất  $(125+250) \text{ MVA}$ . Trạm  $110\text{KV}$  Bắc Kạn (E26.1) công suất  $40\text{MVA}$ , quy hoạch đến năm 2030 công suất  $65\text{MVA}$ .

+ Nguồn điện khác: Các nhà máy thủy điện trên địa bàn, điện sinh khối và các nguồn năng lượng tái tạo.

- Lưới cao thế: Xem xét phương án di dời đường điện cao thế qua khu vực trung tâm đô thị để đảm bảo an toàn điện và mỹ quan đô thị.

- Lưới trung áp: Đối với khu vực xây dựng mới sử dụng mạng lưới đi ngầm, đối với khu vực hiện trạng sử dụng mạng lưới điện hiện hữu, từng bước hạ ngầm khi có điều kiện.

- Lưới hạ thế: Lưới điện hạ thế xây dựng mới ở các khu đô thị và khu vực trong trung tâm đô thị bố trí đi ngầm trong các hào cáp tiêu chuẩn.

- Chiếu sáng đô thị: Cải tạo, nâng cấp, phát triển tất cả các loại hình chiếu sáng. Đối với chiếu sáng các công trình giao thông, các công trình công cộng, khu trung tâm vui chơi và quảng cáo, lễ hội tổ chức thiết kế chiếu sáng mang đặc trưng riêng để tạo cảnh quan đô thị.

### **8.7. Hệ thống hạ tầng thông tin truyền thông**

- Phát triển mạnh hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin theo hướng hiện đại, tốc độ cao, băng thông rộng, đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng, ứng dụng hiệu quả công nghệ điện toán đám mây cập nhật xu hướng của thế giới.

- Đầu tư phát triển khu công nghệ thông tin tập trung, công viên phần mềm gắn với các trung tâm lưu trữ, xử lý và cung cấp dữ liệu, dịch vụ công nghệ thông tin cho thị trường; xây dựng trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh gắn với trung tâm hành chính tỉnh.

- Xây dựng mạng truyền dẫn đồng bộ, có tính dự phòng đảm bảo an toàn; tạo nền tảng về hạ tầng truyền dẫn số liệu cho sự phát triển của đô thị Bắc Kạn.

### **8.8. Hệ thống thu gom và xử lý nước thải**

Tổng nhu cầu thoát nước thải của đô thị Bắc Kạn đến năm 2030 khoảng 15.372 m<sup>3</sup>/ngđ (*nước thải sinh hoạt 11.308m<sup>3</sup>/ngđ*); năm 2045 khoảng 27.075 m<sup>3</sup>/ngđ (*nước thải sinh hoạt 21.654m<sup>3</sup>/ngđ*).

#### **8.8.1. Nước thải sinh hoạt**

- Đối với khu vực trung tâm đô thị Bắc Kạn đã được đầu tư hệ thống thoát nước thải là hệ thống thoát nước riêng.

- Đối với các khu vực ngoại thị chưa xây dựng hệ thống thoát nước thải dùng hệ thống thoát nước chung (nước mưa và nước thải), từng bước xây dựng các hố ga tách dòng tại các cửa xả và xây dựng các cống gom để thu nước thải về trạm xử lý.

- Các khu xây dựng mới (bao gồm cả khu vực nội và ngoại thị) dùng hệ thống thoát riêng hoàn toàn.

- Nước thải sinh hoạt của đô thị sẽ được thu gom đưa về 05 Trạm xử lý nước thải sinh hoạt của đô thị và các trạm theo các dự án riêng. Cụ thể như sau:

+ Trạm XLNT số 01 công suất hiện trạng 3.000m<sup>3</sup>/ngđ; giai đoạn 2030 công suất 5.000m<sup>3</sup>/ngđ; giai đoạn 2045 công suất 8.000m<sup>3</sup>/ngđ.

+ Trạm XLNT số 02 giai đoạn 2030 công suất 2.500m<sup>3</sup>/ngđ; giai đoạn 2045 công suất 4.500m<sup>3</sup>/ngđ.

+ Trạm XLNT số 03 giai đoạn 2030 công suất 1.000m<sup>3</sup>/ngđ; giai đoạn 2045 công suất 2.000m<sup>3</sup>/ngđ.

+ Trạm XLNT số 04 giai đoạn 2030 công suất 1.000m<sup>3</sup>/ngđ; giai đoạn 2045 công suất 2.000m<sup>3</sup>/ngđ.

+ Trạm XLNT số 05 giai đoạn 2030 công suất 1.000m<sup>3</sup>/ngđ; giai đoạn 2045 công suất 2.000m<sup>3</sup>/ngđ.

#### *8.8.2. Nước thải sản xuất*

- Tổng lượng nước thải sản xuất đến năm 2030 khoảng 4.064m<sup>3</sup>/ngđ; năm 2045 khoảng 5.421m<sup>3</sup>/ngđ.

- Nước thải của các khu công nghiệp có hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung đảm bảo nước thải sau xử lý phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Xây dựng trạm xử lý nước thải riêng cho từng cụm công nghiệp, quy mô và công suất cụ thể sẽ được tính toán theo dự án riêng phù hợp với tính chất, dây chuyền công nghệ của từng cụm công nghiệp.

*8.8.3. Đối với nước thải y tế:* Nước thải y tế được xử lý đạt QCVN 28/2010/BTNMT trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước chung.

#### **8.9. Hệ thống thu gom và xử lý chất thải rắn**

- Tổng nhu cầu phát sinh chất thải rắn của toàn đô thị đến năm 2030 là 151 tấn/ha; đến năm 2045 khoảng 204.5 tấn/ngđ.

- Chất thải rắn phải được phân loại tại nguồn; chất thải rắn công nghiệp và y tế nguy hại được thu gom, vận chuyển và xử lý riêng.

- Chất thải rắn đô thị được xử lý tại khu xử lý Khuổi Mật.

- Quy hoạch tối thiểu mỗi phường, xã xây dựng 01 điểm trung chuyển chất thải rắn, quy mô mỗi điểm trung chuyển từ 200-500m<sup>2</sup>.

#### **8.10. Nghĩa trang**

- Đối với các nghĩa trang hiện có, quản lý lập quy hoạch hệ thống nghĩa trang đảm bảo đúng các quy định; trong đó, có nghĩa trang Phúc Thọ Viên có quy mô dự kiến 30-60 ha.

- Đối với các nghĩa trang nhỏ lẻ hiện có trong khu vực nội thị đã lấp đầy cần khoanh vùng, trồng cây xanh cách ly, cải tạo thành công viên nghĩa trang hoặc di dời về khu nghĩa trang tập trung trường hợp có nhu cầu lấy đất xây dựng. Xây dựng lộ trình đóng cửa các nghĩa trang nhỏ lẻ, tập trung vào nghĩa trang tập trung.

- Đối với nghĩa trang Trang Đơn Tuần có quy mô 3,2ha đã lấp đầy và sẽ tiến hành đóng cửa.

### **8.11. Hệ thống không gian, hạ tầng kỹ thuật ngầm**

- Quy hoạch hệ thống không gian ngầm tại các công trình công cộng, dịch vụ, nhà cao tầng, kết nối với bãi đỗ xe và hầm đi bộ ngầm để tạo thành một không gian ngầm hoàn chỉnh tại các khu vực trung tâm đô thị.

- Định hướng khai thác không gian ngầm dưới các khu công viên trung tâm cho chức năng thương mại dịch vụ và bãi đỗ xe. Xây dựng bố trí bãi đỗ xe ngầm ở những vị trí có khả năng kết nối với khu vực xây dựng công trình công cộng ngầm, khu chung cư.

- Bố trí công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm tại các tuyến giao thông chính của đô thị.

### **9. Giải pháp bảo vệ môi trường**

- Thực hiện các giải pháp đồng bộ để bảo vệ môi trường, nguồn nước, hệ sinh thái tự nhiên trên địa bàn đô thị Bắc Kạn.

- Kiểm soát, quản lý các hoạt động phát thải, thu gom, xử lý ô nhiễm; giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường; kiểm soát chặt chẽ hoạt động xây dựng đô thị và công nghiệp.

- Thực hiện các biện pháp phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu; áp dụng khoa học công nghệ; xây dựng kế hoạch phòng chống sự cố môi trường đặc biệt tại khu vực phát triển công nghiệp, xử lý nước thải, khai thác dịch vụ, cảnh quan ven sông,... và các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật quan trọng khác trong đô thị.

### **10. Các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện**

- Giai đoạn đến năm 2030, ưu tiên đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo công trình hạ tầng xã hội thiết yếu như: Các công trình văn hóa, thể thao, y tế, thương mại, dịch vụ cấp đô thị... và hệ thống hạ tầng kỹ thuật khung đô thị; đường giao thông chính; các công trình thoát nước; xử lý nước thải; cấp điện, cấp nước, thông tin liên lạc. Thu hút đầu tư các dự án khu đô thị, khu dân cư mới, khu thể thao, khu sản xuất công nghiệp, du lịch... góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của đô thị.

- Giai đoạn đến năm 2045, phấn đấu hoàn thiện các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và các hạng mục khác theo đề án quy hoạch.

- Giải pháp nguồn lực: Nguồn vốn ngân sách nhà nước (nguồn vốn của trung ương, của tỉnh, của địa phương), nguồn vốn xã hội hóa và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định pháp luật.

**11. Quy định quản lý theo đề án quy hoạch:** Ban hành Quy định quản lý theo đề án Quy hoạch chung xây dựng thành phố Bắc Kạn đến năm 2045 kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** UBND thành phố Bắc Kạn tổ chức công bố công khai quy hoạch, cắm mốc giới quy hoạch, quản lý xây dựng theo quy hoạch và quy định quản lý kèm theo; chịu trách nhiệm toàn diện về chất lượng nội dung bản đồ địa hình

quốc gia theo pháp luật đo đạc và bản đồ và tính chính xác của nội dung hồ sơ, thông tin, số liệu bảo đảm đúng quy định pháp luật, không hợp thức các sai phạm (nếu có); tổ chức, quản lý việc thực hiện các quy hoạch chi tiết và các dự án thành phần trong khu vực theo quy hoạch được duyệt và các quy định pháp luật .

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các ông, bà: Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng; Tài chính; Nông nghiệp và Môi trường; Công Thương; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch UBND thành phố Bắc Kạn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3 (t/h);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UB MTTQ VN tỉnh;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy;
- Thành ủy Thành phố Bắc Kạn;
- Các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh;
- CVP, các PCVP;
- LĐ phòng GTCNXD;
- Lưu VT, Hiên.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Đinh Quang Tuyên**